

Bản án số: 02/2016/KDTM-PT
Ngày 16 tháng 9 năm 2016
V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín
dụng, thế chấp, bảo lãnh*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hàng Lâm Viên**
Các Thẩm phán:

- Bà **Trần Thị Bích Hồng**
- Bà **Nguyễn Thị Luyện.**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Tâm** - Cán bộ
Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa:
Ông **Nguyễn Trần Lãm** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2016, tại Tòa án nhân dân tỉnh N xét xử phúc thẩm
công khai vụ án Kinh doanh - Thương mại thụ lý số 01/2016/TLPT-KDTM
ngày 01 tháng 8 năm 2016 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng, thế chấp,
bảo lãnh*”.

Do Bản án Kinh doanh - Thương mại sơ thẩm số 03/2016/KDTM-ST
ngày 27 tháng 6 năm 2016 của Tòa án nhân dân Thành phố P bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 01/2016/QĐ-PT ngày
25 tháng 8 năm 2016 của Tòa án nhân dân tỉnh N, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V.

Địa chỉ: Số 35 HV, Quận H, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Bắc H - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tấn V - Phó Giám đốc Ngân hàng
TMCP Đầu tư và Phát triển V - Chi nhánh N. Theo Quyết định ủy quyền số:
2412/QĐ-PC ngày 16/10/2014 của Chủ tịch HĐQT và Quyết định ủy quyền số:
114/QĐ-QLRR ngày 16/10/2014 của Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và
Phát triển V - Chi nhánh N (có mặt).

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần Phát triển và Kinh doanh Nhà N.

Địa chỉ: Đường 16/4, phường M, thành phố P, tỉnh N.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hà Ngọc P – Chủ tịch Hội đồng quản trị
kiêm Tổng giám đốc công ty (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Quỹ bảo lãnh tín dụng cho
doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh N.

Địa chỉ: Số 30 đường 16/4, thành phố P, tỉnh N.

Đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Tấn Q - Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lâm Anh T - Chuyên viên thẩm định. Theo Giấy ủy quyền ngày 07/6/2016 của Giám đốc Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh N (có mặt).

Người kháng cáo: Bị đơn Công ty Cổ phần Phát triển và Kinh doanh Nhà N.

NHẬN THẤY:

Tại đơn khởi kiện ngày 16/5/2016 và trong quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Tấn V trình bày:

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V – Chi nhánh N đã ký kết với Công ty Cổ phần Phát triển và Kinh doanh Nhà N tổng cộng 109 hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau:

STT	Hợp đồng tín dụng	Ngày vay	Ngày đến hạn	Lãi suất (%/năm)	Số tiền vay	Nợ gốc	Nợ lãi	Lãi phạt
1	61582000262332	10/02/2015	11/01/2016	8,80%	311.430.100	311.430.100	38.292.061	6.394.698
2	61582000262943	12/02/2015	12/01/2016	8,80%	1.240.233.000	1.240.233.000	151.887.201	25.314.534
3	61582000263636	13/02/2015	13/01/2016	8,80%	1.077.778.687	1.077.778.687	131.728.506	21.866.932
4	61582000270201	25/03/2015	25/02/2016	8,00%	390.433.000	390.433.000	39.910.929	5.335.918
5	61582000195100	26/04/2014	26/02/2016	9,80%	93.350.000	93.350.000	19.272.626	1.550.129
6	61582000196149	29/04/2014	29/02/2016	9,80%	70.000.000	70.000.000	14.400.556	1.133.806
7	61582000271134	30/03/2015	29/02/2016	8,00%	205.000.000	205.000.000	20.727.778	2.710.556
8	61582000273963	09/04/2015	09/03/2016	8,00%	218.463.890	218.463.890	21.603.651	2.670.114
9	61582000198358	13/05/2014	14/03/2016	9,80%	340.000.000	340.000.000	68.782.000	4.859.167
10	61582000276379	20/04/2015	21/03/2016	8,00%	588.025.000	588.025.000	56.711.744	6.402.939
11	61582000201098	23/05/2014	23/03/2016	9,80%	126.520.000	126.520.000	25.285.725	1.653.195
12	61582000125505	28/06/2013	29/03/2016	9,80%	350.000.000	350.000.000	104.680.139	4.287.500
13	61582000146472	03/10/2013	04/04/2016	9,50%	1.032.129.600	-	168.283.589	-
14	61582000203517	04/06/2014	04/04/2016	9,80%	79.900.000	79.900.000	15.734.086	913.523
15	61582000288967	08/05/2015	08/04/2016	9,05%	215.000.000	215.000.000	22.484.222	2.161.944
16	61582000127501	09/07/2013	11/04/2016	9,80%	1.901.386.632	1.901.386.632	457.901.436	19.927.588
17	61582000205470	12/06/2014	12/04/2016	9,80%	2.347.268.350	2.347.268.350	457.639.086	24.281.187
18	61582000080914	16/09/2011	15/04/2016	9,70%	3.065.844.819	-	227.773.839	-
19	61581000275601	19/09/2012	20/04/2016	9,70%	2.132.889.488	-	262.675.294	-
20	61582000283838	21/05/2015	21/04/2016	9,05%	73.190.000	73.190.000	7.414.859	616.372
21	61582000133340	01/08/2013	29/04/2016	9,70%	125.000.000	-	20.700.694	-
22	61582000210173	30/06/2014	29/04/2016	8,80%	32.000.000	-	1.636.089	-
23	61582000210748	02/07/2014	29/04/2016	8,80%	492.480.000	-	39.328.640	-
24	61582000287812	04/06/2015	04/05/2016	7,50%	157.820.000	157.820.000	12.789.996	887.737
25	61582000288967	09/06/2015	09/05/2016	7,50%	434.461.500	434.461.500	34.756.920	2.217.564
26	61582000212355	10/07/2014	10/05/2016	8,80%	588.723.900	-	49.524.041	-
27	61581000278938	11/10/2012	11/05/2016	9,70%	1.245.247.830	-	186.699.768	-
28	61582000380322	13/05/2016	20/05/2016	6,00%	460.000.000	142.000.000	1.524.000	723.667
29	61582000136701	19/08/2013	19/05/2016	9,50%	200.000.000	-	33.897.222	-
30	61582000291901	19/06/2015	19/05/2016	7,50%	266.000.000	266.000.000	20.725.833	1.080.625
31	61582000137281	20/08/2013	23/05/2016	9,50%	401.400.000	-	68.938.375	-
32	61581000280429	25/10/2012	25/05/2016	9,70%	200.000.000	-	37.263.111	-
33	61582000215415	25/07/2014	25/05/2016	8,80%	300.000.000	-	23.933.333	-
34	61581000280553	26/10/2012	26/05/2016	9,70%	200.000.000	-	37.273.889	-
35	61582000294575	29/06/2015	30/05/2016	7,50%	68.930.600	68.930.600	5.227.237	201.048
36	61582000141617	11/09/2013	13/06/2016	9,00%	1.075.718.000	-	190.564.696	-
37	61582000298054	13/07/2015	13/06/2016	7,50%	441.920.000	441.920.000	32.223.333	644.467
38	61582000220783	20/08/2014	20/06/2016	8,50%	183.687.000	178.687.000	28.654.566	147.665

39	61582000220792	20/08/2014	20/06/2016	8,50%	670.000.000	665.000.000	108.015.444	549.549
40	61581000233414	23/11/2011	23/06/2016	9,70%	452.320.300	-	87.598.080	-
41	61582000300542	23/07/2015	23/06/2016	7,50%	800.000.000	800.000.000	56.666.667	333.333
42	61582000300560	23/07/2015	23/06/2016	7,50%	551.502.149	551.502.149	39.373.424	229.793
43	61581000285239	29/11/2012	29/06/2016	9,50%	703.554.545	-	161.527.249	-
44	61582000304173	04/08/2015	04/07/2016	7,20%	1.680.000.000	1.680.000.000	110.208.000	-
45	61582000305787	11/08/2015	11/07/2016	7,20%	107.000.000	107.000.000	6.869.400	-
46	61582000306762	14/08/2015	14/07/2016	7,20%	445.000.000	445.000.000	28.302.000	-
47	61582000228167	19/09/2014	19/07/2016	8,50%	600.000.000	595.000.000	92.192.222	-
48	61582000308892	21/08/2015	21/07/2016	7,20%	631.960.000	631.960.000	39.307.912	-
49	61582000229160	24/09/2014	25/07/2016	8,50%	1.300.000.000	1.295.000.000	199.702.222	-
50	61582000229504	25/09/2014	25/07/2016	8,50%	200.000.000	195.000.000	29.556.667	-
51	61582000309929	26/08/2015	26/07/2016	7,20%	529.000.000	529.000.000	32.374.800	-
52	61581000289161	27/12/2012	27/07/2016	11,50%	123.439.870	-	31.764.713	-
53	61582000310772	28/08/2015	28/07/2016	7,20%	357.430.899	357.430.899	21.731.799	-
54	61581000289541	31/12/2012	29/07/2016	11,50%	253.230.000	-	72.214.120	-
55	61582000230898	30/09/2014	29/07/2016	8,50%	1.020.000.000	1.015.000.000	154.908.889	-
56	61582000231305	02/10/2014	03/08/2016	8,50%	582.558.900	577.558.900	87.622.687	-
57	61581000290154	04/01/2013	04/08/2016	12,00%	606.009.755	-	167.436.206	-
58	61582000232405	07/10/2014	08/08/2016	8,50%	97.000.000	92.000.000	13.370.078	-
59	61582000313911	10/09/2015	10/08/2016	7,20%	113.000.000	113.000.000	6.576.600	-
60	61582000111355	11/04/2013	11/08/2016	11,50%	1.220.000.000	-	274.533.612	-
61	61582000111683	12/04/2013	12/08/2016	11,50%	385.000.000	-	85.951.180	-
62	61582000236452	27/10/2014	29/08/2016	8,50%	512.250.000	507.250.000	73.757.664	-
63	61582000236832	28/10/2014	29/08/2016	8,50%	1.050.000.000	1.045.000.000	152.317.222	-
64	61582000106209	01/02/2013	01/09/2016	12,00%	846.249.525	-	227.611.540	-
65	61582000190044	02/04/2014	01/09/2016	9,80%	320.000.000	-	47.499.556	-
66	61582000238360	04/11/2014	05/09/2016	8,80%	522.248.500	512.248.500	75.183.885	-
67	61582000238388	04/11/2014	05/09/2016	8,80%	192.500.000	182.500.000	26.740.167	-
68	61582000238625	05/11/2014	05/09/2016	8,80%	188.000.000	178.000.000	26.033.111	-
69	61582000106616	06/02/2013	06/09/2016	12,00%	2.037.802.346	-	547.380.954	-
70	61582000239628	10/11/2014	12/09/2016	8,80%	200.000.000	190.000.000	27.548.667	-
71	61582000239682	11/11/2014	12/09/2016	8,80%	1.382.044.600	1.372.044.600	199.132.654	-
72	61582000322218	13/10/2015	13/09/2016	7,20%	760.681.756	760.681.756	39.251.179	-
73	61582000240693	14/11/2014	14/09/2016	8,80%	275.950.000	265.950.000	38.325.354	-
74	61582000323549	16/10/2015	16/09/2016	7,20%	1.592.192.000	1.592.192.000	81.201.792	-
75	61582000242884	21/11/2014	21/09/2016	8,80%	47.000.000	37.000.000	5.169.289	-
76	61582000325101	22/10/2015	22/09/2016	7,20%	275.225.612	275.225.612	13.706.235	-
77	61582000244127	26/11/2014	26/09/2016	8,80%	731.000.000	721.000.000	101.920.644	-
78	61582000244233	26/11/2014	26/09/2016	8,80%	3.000.000.000	2.990.000.000	422.326.444	-
79	61582000326663	28/10/2015	28/09/2016	7,20%	40.000.000	40.000.000	1.944.000	-
80	61582000161493	29/11/2013	29/09/2016	8,50%	200.000.000	-	34.659.306	-
81	61582000247083	05/12/2014	05/10/2016	8,80%	553.661.540	543.661.540	75.603.286	-
82	61582000247764	09/12/2014	10/10/2016	8,80%	218.250.000	208.250.000	28.655.878	-
83	61582000247773	09/12/2014	10/10/2016	8,80%	178.782.000	168.782.000	23.195.261	-
84	61582000248943	16/12/2014	17/10/2016	8,80%	320.000.000	310.000.000	42.186.000	-
85	61582000248952	16/12/2014	17/10/2016	8,80%	255.400.000	245.400.000	33.358.769	-
86	61582000248961	16/12/2014	17/10/2016	8,80%	140.000.000	130.000.000	17.590.000	-
87	61582000177579	24/01/2014	24/10/2016	9,60%	1.259.512.180	-	144.091.812	-
88	61582000178457	27/01/2014	27/10/2016	9,60%	150.000.000	-	24.892.500	-
89	61582000178493	27/01/2014	27/10/2016	9,60%	715.000.000	-	122.420.917	-
90	61582000253053	31/12/2014	31/10/2016	8,80%	51.000.000	41.000.000	5.241.644	-
91	61582000338048	09/12/2015	09/11/2016	7,20%	1.165.000.000	1.165.000.000	46.833.000	-
92	61582000339324	11/12/2015	11/11/2016	7,50%	532.000.000	532.000.000	22.055.833	-
93	61582000254904	13/01/2015	14/11/2016	8,80%	321.656.842	316.656.842	40.520.058	-
94	61582000180081	17/02/2014	17/11/2016	9,60%	788.761.200	-	136.270.741	-
95	61582000255998	19/01/2015	21/11/2016	8,80%	200.000.000	195.000.000	24.435.667	-
96	61582000256229	19/01/2015	21/11/2016	8,80%	65.665.000	60.665.000	7.196.008	-
97	61582000256469	20/01/2015	21/11/2016	8,80%	250.000.000	245.000.000	30.791.222	-
98	61582000256478	20/01/2015	21/11/2016	8,80%	265.425.000	260.425.000	32.766.993	-
99	61582000341903	21/12/2015	21/11/2016	7,50%	2.448.000.000	-	23.540.833	-
100	61582000257471	23/01/2015	23/11/2016	8,80%	35.000.000	30.000.000	3.226.444	-
101	61582000258997	30/01/2015	30/11/2016	8,80%	234.622.100	229.622.100	28.247.963	-
102	61582000259255	30/01/2015	30/11/2016	8,80%	533.334.011	528.334.011	65.779.456	-
103	61582000345604	31/12/2015	30/11/2016	7,50%	250.000.000	250.000.000	9.322.917	-
104	61582000350963	20/01/2016	20/12/2016	7,50%	230.000.000	230.000.000	7.618.750	-

105	61582000354831	02/02/2016	03/01/2017	7,70%	685.000.000	685.000.000	21.391.028	-
106	61582000355843	04/02/2016	04/01/2017	7,70%	236.760.120	236.760.120	7.292.212	-
107	61582000355898	04/02/2016	04/01/2017	7,70%	500.000.000	500.000.000	15.400.000	-
108	61582000365204	22/03/2016	22/02/2017	7,70%	80.000.000	80.000.000	1.659.778	-
109	61582000369978	07/04/2016	07/03/2017	7,70%	150.000.000	150.000.000	2.598.750	-
Cộng					63.146.212.146	38.977.898.788	8.232.548.424	139.095.550

Tổng dư nợ của Công ty Cổ phần Phát triển và Kinh doanh Nhà N tính đến ngày 26/6/2016 là: 47.349.542.762 đồng (*Bốn mươi bảy tỷ, ba trăm bốn mươi chín triệu, năm trăm bốn mươi hai ngàn, bảy trăm sáu mươi hai đồng*) trong đó:

- Dư nợ gốc: 38.977.898.788 đồng (*Ba mươi tám tỷ, chín trăm bảy mươi bảy triệu, tám trăm chín mươi tám ngàn, bảy trăm tám mươi tám đồng*).

- Dư nợ lãi và lãi phạt: 8.371.643.974 đồng (*Tám tỷ, ba trăm bảy mươi một triệu, sáu trăm bốn mươi ba ngàn, chín trăm bảy mươi bốn đồng*).

Công ty Cổ phần Phát triển và Kinh doanh Nhà N đã thế chấp cho Ngân hàng:

1. Quyền sử dụng đất tọa lạc phường P, thành phố P, tỉnh N. Theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 01/2011/HĐTC ngày 28/11/2011.

2. Trụ sở làm việc của Công ty Cổ phần Phát triển và Kinh doanh Nhà N tọa lạc tại đường 16/4, phường M, thành phố P, tỉnh N. Theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số: 02/661125/2014/HĐBĐ ngày 10/6/2014.

3. Trạm trộn Bê tông và sản xuất gạch block. Theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số: 02/661125/2014/HĐBĐ ngày 10/6/2014.

4. 08 xe ô tô/xe tải. Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 01/2014/661125/HĐTC ngày 28/02/2014.

5. Xe cầu hiệu ADK. Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 03/2015/661125/HĐBĐ ngày 10/6/2015.

6. Dây chuyền sản xuất gạch Terazzo. Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 04/2014/661125/HĐBĐ ngày 21/7/2014.

7. Dây chuyền sản xuất bê tông và dây chuyền sản xuất gạch block; 01 xe nâng và 01 xe ủi. Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 01/2016/661125/HĐBĐ ngày 31/3/2016.

Tổng giá trị tài sản thế chấp theo định giá của Ngân hàng là: 11.286.000.000 đồng (*Mười một tỷ, hai trăm tám mươi sáu triệu đồng*).

Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh N đã phát hành Chứng thư bảo lãnh số: 130/CTBL-BLTD ngày 22/9/2014 và Phụ lục gia hạn Chứng thư bảo lãnh số: 117/PLCT-BLTD ngày 10/9/2015 với số tiền bảo lãnh là: 6.600.000.000 đồng.

Đến nay, toàn bộ nợ vay theo các Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng với Công ty đã quá hạn. Theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng thì Công ty Cổ phần Phát triển và Kinh doanh Nhà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán về việc trả nợ gốc và nợ lãi. Vì vậy, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc Công ty Cổ phần Phát triển và Kinh doanh Nhà N phải trả cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V với tổng số tiền nợ vay tính đến hết ngày 26/06/2016 là: 47.349.542.762 đồng. Trong đó:

- Nợ gốc : 38.977.898.788 đồng.
- Nợ lãi trong hạn : 8.232.548.424 đồng.
- Nợ lãi quá hạn : 139.095.550 đồng.

Đồng thời buộc Công ty Cổ phần Phát triển và Kinh doanh Nhà N phải chịu lãi phát sinh kể từ ngày 27/6/2016 và lãi phạt chậm thi hành án với lãi suất theo các hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng cho đến khi thi hành án xong.

Đại diện theo pháp luật của bị đơn ông Hà Ngọc P trình bày:

Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Công ty Cổ phần Phát triển và Kinh doanh Nhà N xác nhận Công ty có ký với Ngân hàng 109 hợp đồng tín dụng. Tính đến hết ngày 26/6/2016, Công ty Cổ phần Phát triển và Kinh doanh Nhà N xác nhận còn nợ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V số tiền: 47.349.542.762 đồng, trong đó: (Nợ gốc: 38.977.898.788 đồng; Nợ lãi trong hạn: 8.232.548.424 đồng; Nợ lãi quá hạn là: 139.095.550 đồng). Đồng thời Công ty xác nhận có ký với Ngân hàng 06 hợp đồng thế chấp tài sản để đảm bảo cho các khoản nợ vay nợ theo như số liệu chứng cứ mà đại diện của nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án và trình bày tại phiên tòa.

Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay Công ty đã lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán, không có phương án phục hồi kinh doanh. Công ty không thể trả nợ cho Ngân hàng vì Hội đồng quản trị không chấp thuận với phương án trả nợ mà Ngân hàng yêu cầu. Do đó, ngày 27/5/2016 Công ty Cổ phần Phát triển và Kinh doanh Nhà N đã gửi hồ sơ đến Tòa án nhân dân thành phố P yêu cầu Tòa án mở thủ tục tuyên bố phá sản. Công ty Cổ phần Phát triển và Kinh doanh Nhà N đề nghị Tòa án gia hạn thời hạn giải quyết vụ án; nhập vụ án này vào giải quyết chung với vụ việc phá sản của Công ty nhằm đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

Sau khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án, Công ty Cổ phần Phát triển và Kinh doanh Nhà N đã trả một khoản nợ gốc 3.410.114.681đ (Ba tỷ bốn trăm mười triệu một trăm mười bốn nghìn sáu trăm tám mươi một đồng) nên thực tế Công ty Cổ phần Phát triển và Kinh doanh Nhà N phải trả cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V với tổng số tiền nợ vay tính đến hết ngày 23/08/2016 là: 44.581.062.795 đồng (Số liệu nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn tính đến ngày 23/8/2016). Trong đó:

- Nợ gốc : 35.567.784.107 đồng.
- Nợ lãi trong hạn : 8.751.403.963 đồng.
- Nợ lãi quá hạn : 261.874.725 đồng.

Vì vậy, trước yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V thay đổi yêu cầu khởi kiện là: Yêu cầu Công ty Cổ phần Phát triển và Kinh doanh Nhà N phải trả cho Ngân hàng tổng số nợ 44.581.062.795 đồng (Bốn mươi bốn tỷ năm trăm tám mươi một triệu không trăm sáu mươi hai nghìn bảy trăm chín

mười lăm đồng) và lãi suất chậm trả tính trên tổng số nợ 44.581.062.795 đồng theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định, Công ty Cổ phần Phát triển và Kinh doanh Nhà N đồng ý với yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Lâm Anh T trình bày:

Ngày 22/9/2014, ông Hà Ngọc P đại diện cho Công ty Cổ phần Phát triển và Kinh doanh Nhà N ký hợp đồng bảo lãnh vay vốn với Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh N (Gọi tắt là: Quỹ bảo lãnh tín dụng) để được vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V - Chi nhánh N (Gọi tắt là: Ngân hàng). Cụ thể là:

- Hợp đồng bảo lãnh vay vốn số: 10/2014/HĐBL-BLTD ngày 22/9/2014.
- Số tiền vay: 46.000.000.000 đồng (Bốn mươi sáu tỷ đồng).
- Số tiền bảo lãnh: 6.600.000.000 đồng (Sáu tỷ sáu trăm triệu đồng).
- Thời gian bảo lãnh: 12 tháng.
- Thời điểm đến hạn: ngày 21/9/2015.
- Tài sản đảm bảo: 990.000.000 đồng (Chín trăm chín mươi triệu đồng).

Đến ngày 18/8/2015, theo đề nghị của Ngân hàng và Công ty Cổ phần Phát triển và Kinh doanh Nhà N, giữa Quỹ bảo lãnh tín dụng và Công ty Cổ phần Phát triển và Kinh doanh Nhà N đã ký Phụ lục điều chỉnh Hợp đồng bảo lãnh vay vốn số: 116/2015/PLHĐ-BLTD ngày 10/9/2015 của Hợp đồng bảo lãnh vay vốn số: 10/2014/HĐBL-BLTD ngày 22/9/2014. Nội dung của Phụ lục điều chỉnh Hợp đồng bảo lãnh vay vốn thỏa thuận như sau:

- Số tiền vay: 46.000.000.000 đồng (Bốn mươi sáu tỷ đồng).
- Số tiền bảo lãnh: 6.600.000.000 đồng (Sáu tỷ sáu trăm triệu đồng).
- Thời gian bảo lãnh: 12 tháng.
- Thời điểm đến hạn: ngày 21/9/2016.
- Tài sản đảm bảo: 990.000.000 đồng (Chín trăm chín mươi triệu đồng).

Trên cơ sở đó, Quỹ bảo lãnh tín dụng đã phát hành Chứng thư bảo lãnh số: 130/CTBL-BLTD ngày 22/10/2014 và Phụ lục gia hạn Chứng thư bảo lãnh số: 117/PLCT-BLTD ngày 10/9/2015 để đảm bảo cho Công ty Cổ phần Phát triển và Kinh doanh Nhà N được vay vốn tại Ngân hàng. Việc bảo lãnh trên có hiệu lực đến hết ngày 21/9/2016. Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh N đồng ý tiếp tục duy trì Chứng thư bảo lãnh số: 130/CTBL-BLTD ngày 22/9/2014 và Phụ lục gia hạn Chứng thư bảo lãnh số: 117/PLCT-BLTD ngày 10/9/2015 để đảm bảo thi hành án.

Bản án Kinh doanh - Thương mại sơ thẩm số 03/2016/KDTM-ST ngày 27 tháng 6 năm 2016 của Tòa án nhân dân Thành phố P đã quyết định:

Áp dụng: Điểm m khoản 1 Điều 29, Điểm b Khoản 1 Điều 33, Điều 131, Điều 5, Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 342, 361, 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V:

- Buộc Công ty Cổ phần Phát triển và Kinh doanh Nhà N phải trả toàn bộ số nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V tính đến hết ngày 26/6/2016 với tổng số tiền là: 47.349.542.762 đồng (Bốn mươi bảy tỷ, ba trăm bốn mươi chín triệu, năm trăm bốn mươi hai ngàn, bảy trăm sáu mươi hai đồng) trong đó:

+ Nợ gốc: 38.977.898.788 đồng. (Ba mươi tám tỷ, chín trăm bảy mươi bảy triệu, tám trăm chín mươi tám ngàn, bảy trăm tám mươi tám đồng).

+ Nợ lãi trong hạn: 8.232.548.424 đồng (Tám tỷ, hai trăm ba mươi hai triệu, năm trăm bốn mươi tám ngàn, bốn trăm hai mươi bốn đồng)

+ Nợ lãi quá hạn tính đến ngày 26/6/2016 là: 139.095.550 đồng (Một trăm ba mươi chín triệu, không trăm chín mươi lăm ngàn, năm trăm năm mươi đồng)

- Buộc Công ty Cổ phần Phát triển và Kinh doanh Nhà N phải thanh toán số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 27/6/2016 với lãi suất theo thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V cho đến khi thi hành án xong.

2. Buộc Công ty Cổ phần Phát triển và Kinh doanh Nhà N phải tiếp tục duy trì với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V 06 (Sáu) Hợp đồng thế chấp tài sản để đảm bảo thi hành án. Bao gồm:

- Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 01/2011/HĐTC ngày 28/11/2011.

- Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số: 02/661125/2014/HĐBĐ ngày 10/6/2014.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số: 01/2014/661125/HĐTC ngày 28/02/2014.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số: 04/2014/661125/HĐBĐ ngày 21/7/2014.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số: 03/2015/661125/HĐBĐ ngày 10/6/2015.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số: 01/2016/661125/HĐBĐ ngày 31/3/2016.

3. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V với Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh N đồng ý tiếp tục duy trì Chứng thư bảo lãnh số 130/CTBL-BLTD ngày 22/9/2014 và Phụ lục gia hạn Chứng thư bảo lãnh số 117/PLCT-BLTD ngày 10/9/2015 để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí, quyền yêu cầu thi hành án, quyền thỏa thuận thi hành án, quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 11/7/2016 Công ty Cổ phần Phát triển và Kinh doanh Nhà N kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án gia hạn thời hạn giải quyết vụ án và nhập vụ án vào giải quyết chung với vụ việc phá sản của Cty cổ phần và kinh doanh nhà N và xem xét lại số nợ gốc đến hạn phải trả, không phải là: 38.977.898.788đ vì trong 109 hợp đồng tín dụng tính đến ngày 26/6/2016 chỉ có 34 hợp đồng quá

hạn thanh toán gốc và lãi; 74 hợp đồng chưa quá hạn thanh toán tiền gốc, cho nên chưa tính nợ gốc của 75 hợp đồng này vào việc phải trả ngay.

XÉT THẤY

Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần Phát triển và Kinh doanh Nhà N (Công ty Nhà N) trong hạn luật định nên được HĐXX xem xét.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận giải quyết vụ án, nội dung thỏa thuận:

- Sau khi xét xử sơ thẩm, Công ty Cổ phần Phát triển và Kinh doanh Nhà N đã trả nợ gốc cho Ngân hàng Đầu tư và Phát triển V 3.410.114.681đ nên nợ gốc còn 35.567.784.107đ, lãi trong hạn 8.751.403.963đ, lãi quá hạn 261.874.725đ. Tổng nợ gốc, lãi trong và quá hạn: 44.581.062.795đ.

- Công ty Cổ phần Phát triển và Kinh doanh Nhà N phải chịu lãi suất bằng 150% mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán đối với số tiền 44.581.062.795đ, thời điểm bắt đầu tính lãi suất là ngày 25/8/2016 cho đến khi thi hành án xong.

Xét thấy sự thỏa thuận của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V và Công ty Cổ phần Phát triển và Kinh doanh Nhà N hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật; Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh N không phản đối sự thỏa thuận này vì không làm ảnh hưởng đến việc duy trì Hợp đồng bảo lãnh như bản án sơ thẩm đã tuyên nên được HĐXX cấp phúc thẩm công nhận.

Bị đơn rút phần kháng cáo về việc gia hạn giải quyết vụ án và nhập vụ án vào việc phá sản được HĐXX cấp phúc thẩm chấp nhận.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa bản án sơ thẩm. Xét thấy quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên có căn cứ, được HĐXX chấp nhận. Các phần quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Án phí sơ thẩm: Các đương sự không thỏa thuận nghĩa vụ chịu án phí nên Công ty Cổ phần Phát triển và Kinh doanh Nhà N phải chịu: 152.581.063đ. Ngân hàng Đầu tư và Phát triển V không phải chịu án phí sơ thẩm.

Án phí phúc thẩm: Công ty Cổ phần Phát triển và Kinh doanh Nhà N phải chịu 200.000đ án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên, Công nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm, sửa bản án Kinh doanh – Thương mại sơ thẩm số 03/2016/KDTM-ST ngày 27 tháng 6 năm 2016 của Tòa án nhân dân Thành phố p, tỉnh N.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 30 khoản 1, Điều 300, Điều 308 khoản 2, Điều 289 khoản 1 điểm c, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 342, 361, 471, 474; Điều

305 khoản 2; Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 30 khoản 5 Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án của UBTVQH12.

Tuyên xử:

- Chấp nhận Công ty Cổ phần Phát triển và Kinh doanh Nhà N rút phần kháng cáo đối với việc yêu cầu gia hạn và nhập vụ án vào việc phá sản Doanh nghiệp; Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo đã rút.

- Sửa Bản án sơ thẩm; Công nhận sự thỏa thuận giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển V và Công ty Cổ phần Phát triển và Kinh doanh Nhà N:

+ Công ty Cổ phần Phát triển và Kinh doanh Nhà N phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển V 44.581.062.795đ (*Bốn mươi bốn tỷ năm trăm tám mươi một triệu không trăm sáu mươi hai ngàn bảy trăm chín mươi lăm đồng*); Công ty Cổ phần Phát triển và Kinh doanh Nhà N phải chịu lãi suất của số tiền 44.581.062.795đ (*Bốn mươi bốn tỷ năm trăm tám mươi một triệu không trăm sáu mươi hai ngàn bảy trăm chín mươi lăm đồng*), lãi suất bằng 150% mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, thời điểm bắt đầu tính lãi suất là ngày 25/8/2016 cho đến khi thi hành án xong.

- Buộc Công ty Cổ phần Phát triển và Kinh doanh Nhà N phải tiếp tục duy trì với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V 06 (Sáu) Hợp đồng thế chấp tài sản để đảm bảo thi hành án, gồm:

+ Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 01/2011/HĐTC ngày 28/11/2011.

+ Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số: 02/661125/2014/HĐBĐ ngày 10/6/2014.

+ Hợp đồng thế chấp tài sản số: 01/2014/661125/HĐTC ngày 28/02/2014.

+ Hợp đồng thế chấp tài sản số: 04/2014/661125/HĐBĐ ngày 21/7/2014.

+ Hợp đồng thế chấp tài sản số: 03/2015/661125/HĐBĐ ngày 10/6/2015.

+ Hợp đồng thế chấp tài sản số: 01/2016/661125/HĐBĐ ngày 31/3/2016.

- Công nhận sự thỏa thuận giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển V với Quỹ bảo lãnh Tín dụng cho Doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh N: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển V với Quỹ bảo lãnh Tín dụng cho Doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh N đồng ý tiếp tục duy trì Chứng thư bảo lãnh số 130/CTBL-BLTD ngày 22/9/2014 và Phụ lục gia hạn Chứng thư bảo lãnh số 117/PLCT-BLTD ngày 10/9/2015 để đảm bảo thi hành án.

- Án phí sơ thẩm:

+ Công ty Cổ phần Phát triển và Kinh doanh Nhà N phải chịu 152.581.063 (*Một trăm năm mươi hai triệu năm trăm tám mươi một ngàn không trăm sáu mươi ba đồng*) án phí Kinh doanh-Thương mại sơ thẩm.

+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển V không phải chịu án phí Kinh doanh-Thương mại sơ thẩm, được hoàn trả 77.625.000 đồng (*Bảy mươi bảy triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp

theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010249 ngày 18/5/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P.

- Án phí phúc thẩm: Công ty Cổ phần Phát triển và Kinh doanh Nhà N phải chịu 200.000đ án phí Kinh doanh-Thương mại phúc thẩm được khấu trừ vào 200.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010454 ngày 28/7/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh N (do bà Lương Thị Phương T nộp thay). Công ty Cổ phần Phát triển và Kinh doanh Nhà N đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án (16/9/2016).

Nơi nhận:

- Đương sự (3);
- TAND thành phố P (1);
- THADS thành phố P (1);
- VKSND tỉnh N (1);
- Phòng GDKT (1);
- Lưu(HS-AV) (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hàng Lâm Viên